

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2013

Số: 260/GA-ĐNT

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học đối với sinh viên
Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học thành phố Hồ Chí Minh

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC TP. HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Quyết định số 616/TTg ngày 26/10/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh;
- Căn cứ vào Điều lệ trường đại học ban hành theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng trường đại học;
- Xét đề nghị các Trường Khoa và Trường phòng Đào tạo – Nghiên cứu khoa học;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học đối với sinh viên chính quy từ khóa 2013 của Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh.

Điều 2. Căn cứ chuẩn đầu ra (được ban hành theo Quyết định này), các Khoa, Phòng, Ban và các đơn vị liên quan có nhiệm vụ tổ chức triển khai, tiếp tục rà soát, điều chỉnh và xây dựng chương trình đào tạo đảm bảo đạt chuẩn đầu ra này.

Điều 3. Trường các Khoa, Phòng, Ban và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định áp dụng cho sinh viên chính quy từ khóa 2013 và có hiệu lực từ ngày ký. Các quyết định trái với Quyết định này đều không còn hiệu lực.

Nơi nhận:

- TT HĐQT
- Ban Giám hiệu
- Như điều 3
- Lưu VT.

"để báo cáo";

"để chỉ đạo";

"để thực hiện";



PGS. Bùi Ngọc Thọ

PHỤ LỤC

Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương các cấp độ của khung châu Âu

1. Tiếng Anh

Cấp độ (CEFR)	TOEFL	TOEIC (0 -990)	Cambridge Tests (0 -100)	IELTS (0- 9.0)	BULATS
A1	400 PBT 32 iBT	-	45 – 69 KET	3.0	0 – 19
A2	425 PBT 38 iBT	-	70 – 89 KET 45 – 69 PET	3.5	20 – 39
B1	450 PBT 45 iBT	450	70 – 89 PET 45 – 59 FCE	4.0 – 4.5	40 – 59
B2	500 PBT 61 iBT	600	90 – 100 PET 60 – 79 FCE	5.0 – 5.5	60 – 74
C1	550 PBT	780	80 – 100 FCE 60 – 79 CAE	6.0 – 7.0	75 – 89
C2	625 PBT	900	80 – 100 CAE 45 – 59 CPE	7.5 – 9.0	90 – 100

(các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

2. Một số tiếng khác

Cấp độ (CEFR)	Tiếng Trung	Tiếng Nhật
B1	HSK cấp độ 3	JLPT N4
B2	HSK cấp độ 4	JLPT N3

(theo thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15/2/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo)

Ghi chú:

- TOEFL PBT, TOEFL iBT, TOEIC: Các bài thi tiếng Anh của Hội đồng khảo thí tiếng Anh ETS, Hoa Kỳ.
- Cambridge Tests, IELTS: Các bài thi tiếng Anh quốc tế của Hội đồng khảo thí tiếng Anh Cambridge ESOL, Đại học Cambridge, Vương Quốc Anh.
- HSKL Chứng chỉ kiểm tra trình tiếng Hán do Hiệp hội HanBan trực thuộc Bộ Giáo dục Trung Quốc cấp. Kỳ thi này được tổ chức tại Việt Nam vào tháng 5, 12 hàng năm.
- TOPIK: Chứng chỉ năng lực tiếng Hàn do Viện Quốc gia giáo dục quốc tế Hàn Quốc cấp. Kỳ thi này được tổ chức tại Việt Nam vào tháng 4, 9 hàng năm.
- JLPT: chứng chỉ năng lực tiếng Nhật do Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản cấp. Kỳ thi này được tổ chức tại Việt Nam vào tháng 7, 12 hàng năm.

QUY ĐỊNH

CHUẨN ĐẦU RA VỀ NGOẠI NGỮ, TIN HỌC ĐỐI VỚI SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC TP. HỒ CHÍ MINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 20/QĐ-ĐNT ngày 15/11/2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh)

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với tất cả sinh viên đang tham gia các khóa đào tạo chính quy, liên thông đại học chính quy thuộc bậc đại học và cao đẳng từ khóa 2013 trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh.

Điều 2. Yêu cầu về ngoại ngữ

2.1. Đối với sinh viên khoa Công nghệ thông tin

- Bậc đại học: phải có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế TOEIC 450 điểm trở lên hoặc tương đương.
- Bậc cao đẳng: phải có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế TOEIC 350 điểm trở lên hoặc tương đương.

2.2. Đối với sinh viên khoa Du lịch – Khách sạn phải có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế TOEIC 550 điểm trở lên hoặc tương đương.

2.3. Đối với sinh viên khoa Ngoại ngữ

- Ngành Ngôn ngữ Anh bậc đại học: phải có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế TOEIC 650 điểm trở lên hoặc tương đương.
- Ngành tiếng Anh bậc cao đẳng: phải có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế TOEIC 600 điểm trở lên hoặc tương đương.
- Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc bậc đại học: phải có chứng chỉ năng lực Hán ngữ quốc tế HSK cấp 5 trở lên hoặc tương đương.
- Ngành tiếng Trung Quốc bậc cao đẳng: phải có chứng chỉ năng lực Hán ngữ quốc tế HSK cấp 4 trở lên hoặc tương đương.

2.4. Đối với khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Phương Đông

- Chuyên ngành Hàn Quốc học: phải có chứng chỉ năng lực Hàn ngữ quốc tế trung cấp (TOPIK 3) trở lên hoặc tương đương.
- Chuyên ngành Nhật Bản học: phải có chứng chỉ năng lực Nhật ngữ quốc tế trình độ N3 trở lên hoặc tương đương.
- Chuyên ngành Trung Quốc học: phải có chứng chỉ năng lực Hán ngữ Quốc tế HSK cấp 5 trở lên hoặc TPCFL cấp 4 trở lên.

2.5. Đối với sinh viên khoa Quan hệ quốc tế phải có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế TOEIC 550 điểm trở lên hoặc tương đương.

2.6. Đối với sinh viên khoa Quản trị kinh doanh quốc tế phải có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế cấp độ B2 trở lên hoặc tương đương.

2.7. Đối với sinh viên khoa Kinh tế - Tài chính phải có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế TOEIC 550 điểm trở lên hoặc tương đương.

Xem thêm Phụ lục Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương các cấp độ của khung châu Âu.

Điều 3. Yêu cầu về tin học

Đối với sinh viên không thuộc ngành Công nghệ thông tin, phải có chứng chỉ MOS (Microsoft Office Specialist), cụ thể từng khoa như sau:

- Khoa Du lịch – Khách sạn: chứng chỉ MOS về Word, Excel và Access.
- Khoa Ngoại ngữ: chứng chỉ MOS về Word, Excel đối với tất cả các chuyên ngành, đối với chuyên ngành Nghiệp vụ văn phòng phải có thêm chứng chỉ MOS về Access.
- Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Phương Đông: chứng chỉ MOS về Word và Excel.
- Khoa Quan hệ quốc tế: chứng chỉ MOS về Word và Excel.
- Khoa Quản trị kinh doanh quốc tế: chứng chỉ MOS về Word và Excel.
- Khoa Kinh tế - Tài chính: chứng chỉ MOS về Word và Excel, đối với ngành Tài chính – Ngân hàng phải có thêm chứng chỉ MOS về Power Point.

